TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-VDS	*Bố Trạch, ngày 04 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v xác định cha cho con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Trung Thành

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhạn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Nguyện Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-VDS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc *"Yêu cầu xác định cha cho con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST- VHNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* ông Phan Thanh Đ, sinh ngày 26/10/1969; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Bồng, sinh năm 1934 (chết năm 1972); nơi cư trú trước khi chết: xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bà Đỗ Thị Lanh, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

3. Bà Nguyễn Thị Huyến, sinh năm 1942; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có đơn xin vắng mặt*

4. Bà Nguyễn Thị Lĩnh, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

5. Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

6. Bà Nguyễn Thị Khương, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số M Gò Cà, Nà Bồi, xã M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. *Có đơn xin vắng mặt*

7. Bà Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Nhiệm, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có đơn xin vắng mặt*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu xác định cha cho con đề ngày 05/10/2020, bản tự khai và quá trình giải quyết ông Phan Thanh Đ trình bày:* Sinh thời bố ông là ông Nguyễn Văn B có 03 người vợ gồm: bà Phan Thị H (đã ly hôn); bà Nguyễn Thị T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H *(hiện đang là người thờ cúng và hưởng các chế độ Liệt sỹ Nguyễn Văn B)* và sinh được tất cả 04 người con gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; Nguyễn Thị B, sinh năm 1967, Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Ngoài ra, trong năm 1969, bố ông có quan hệ ngoài giá thú với mẹ ông là bà Nguyễn Thị L rồi sinh ra ông và đặt tên cho ông khi mới sinh là "Cu Đ". Đến năm 1972, khi ông được 03 tuổi, mẹ ông mới kết hôn với bố dượng ông Phan Thanh N (Chết năm 2017) và lấy họ của bố dượng để đặt tên ông là Phan Thanh Đ. Sau khi bố ông là Nguyễn Văn B hy sinh vào năm 1972, các chị em cùng cha khác mẹ và những người trong dòng họ Nguyễn Văn đều thừa nhận ông là con đẻ của ông Nguyễn Văn B, vì vậy ông và các chị em đều được ghi nhận trong gia phả của dòng họ Nguyễn Văn. Về mối quan hệ huyết thống theo dòng cha, thì ông bà nội của ông chỉ sinh ra duy nhất ông Nguyễn Văn B, hiện tại anh, chị em ruột của ông B không còn ai còn sống và ông B chết đã lâu nên anh, chị em trong gia đình không mong muốn lấy mẫu ADN của ông để so sánh.

- *Tại các bản tự khai và tại phiên họp bà Đỗ Thị L trình bày:* Năm 1969, bà và ông B có quan hệ ngoài giá thú với nhau và sinh ra anh Đ. Tại thời điểm, sinh anh Đ vì hoàn cảnh lịch sử, gia đình và pháp luật nên giữa bà và ông B không thể công khai mối quan hệ cũng như nhân thân của anh Đ. Vì vậy, bà đã nuôi anh Đ một mình cho đến năm 1972, khi anh Đ được khoảng 03 tuổi, bà mới kết hôn với ông Phan Thanh N và lấy họ của ông N làm giấy khai sinh cho ông Đ. Nay ông Đ có nguyện vọng xác nhận ông Nguyễn Văn B là bố đẻ nên bà đề nghị Tòa án công nhận mối quan hệ cha con cho ông Đ.

- *Tại bản tự khai và tại phiên họp bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà hoàn toàn nhất trí với lời khai của anh Đ, bà L về quan hệ cha, con và tình cảm giữa các anh chị em đã trình bày. Ngoài ra bà còn khai nhận, vào năm 1969, khi bà L sinh ông Đ thì bố của bà là ông Nguyễn Văn B bị ốm nặng phải nằm viện điều trị và bà là người trực tiếp chăm sóc ông B. Tại bệnh viện, ông B có kể lại mối quan hệ ngoài giá thú với bà L và có 01 con chung là ông Đ và bảo bà đi lại chăm sóc bà L trong thời gian sinh nở ông Đ, đồng thời bố bà cũng chỉ bảo anh, chị em nhớ nhận ông Đ là con cháu họ Nguyễn Văn và đưa em về giới thiệu, ra mắt họ tộc.

- *Tại bản tự khai và biên bản họp họ tộc Nguyễn Văn, ông Nguyễn Văn N- Trưởng họ tộc:* Chiếu theo nguyện vọng của gia đình và sự thật khách quan, gia

tộc Nguyễn Văn đã thống nhất và thừa nhận ông Phan Thanh Đ là con đẻ của ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị L. Nay ông Đ và các chị gái cùng cha khác mẹ có ý nguyện tìm về cội nguồn là hợp đạo lý, lẽ phải. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận nguyện vọng của ông Đ. Theo gia phả của dòng họ "Nguyễn Văn" thì anh, chị em ông Đ đã được dòng tộc công nhận, trên cơ sở anh, chị em ông Đ đã nhìn nhận lẫn nhau và có nguyện vọng họ tộc công nhận ông Đ là con cháu của dòng họ Nguyễn Văn. Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Văn được ghi chép qua các đời thì các cụ thân sinh của ông Nguyễn Văn B chỉ sinh được một người con trai duy nhất là ông B, cho nên ông B không có mối quan hệ huyết thống theo dòng cha.

- *Tại các bản tự khai bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L trình bày:* Các bà hoàn toàn nhất trí các lời khai của anh Đ, bà T, bà L, ông N là đúng thực tế và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận ông Nguyễn Văn B là cha đẻ của ông Phan Thanh Đ.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình:* Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đề nghị áp dụng khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh Đ và tuyên bố ông Nguyễn Văn B là cha của ông Phan Thanh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Thanh Đ có nơi cư trú tại tiểu khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình có đơn yêu cầu Tòa án định cha cho con khi người cha đã chết. Vì vậy, yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Theo lời khai nhận của ông Phan Thanh Đ và ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều thống nhất trình bày: Năm 1969, bà Đỗ Thị L là mẹ ông Phan Thanh Đ có quan hệ

ngoài hôn nhân với ông Nguyễn Văn B và sinh được một người con trai đặt tên là "Cu Đ". Tuy nhiên, vì điều kiện lịch sử, hoàn cảnh gia đình của hai bên lúc đó, bố mẹ ông Đ không thể công khai mối quan hệ với họ hàng, dòng tộc cũng như bà con lối xóm để nhìn nhận cha, con. Đến năm 1972, sau khi ông B hy sinh, bà L mới kết hôn với ông Phan Thanh N và lấy họ của bố dượng để đặt tên cho ông Đ là Phan Thanh Đ như hiện nay. Mặc dù ông Đ và các chị em ruột cùng cha khác mẹ của ông Đ và dòng họ Nguyễn Văn đều biết rõ sự thật ông Phan Thanh Đ là con đẻ của ông Nguyễn Văn B, nhưng vì đạo đức xã hội và tình cảm gia đình, nên ông Đ và các anh chị em không muốn công khai mối quan hệ cha con giữa anh Đ và ông B. Vì vậy, đến năm 2017 khi ông Phan Thanh N chết, họ tộc Nguyễn Văn và các chị gái cùng cha, khác mẹ của ông Đ mới công khai mối quan hệ và cùng có nguyện vọng yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Văn B là cha của ông Phan Thanh Đ.

Quá trình giải quyết việc dân sự, các chị gái cùng cha khác mẹ của ông Đ, bà L và bà H *(là vợ đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn B)* và trưởng tộc họ Nguyễn Văn đều xác nhận, anh Phan Thanh Đ là con đẻ của ông Nguyễn Văn B. Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có văn bản và ý kiến đề nghị Tòa án công nhận mối quan hệ huyết thống giữa anh Đ và ông B. Mặt khác, tại các biên bản họp gia đình ngày 09/3/2010, với sự có mặt của tất cả những người có mối quan hệ ruột thịt của ông Nguyễn Văn B; xác nhận của dòng tộc, tài liệu ghi chép trong gia phả dòng họ Nguyễn Văn đều công nhận và thể hiện ông Phan Thanh Đ là con trai của ông Nguyễn Văn B.

Xét thấy, yêu cầu xác định cha cho con của ông Phan Thanh Đ khi người cha đã chết cần có kết quả giám định AND để làm căn cứ giải quyết yêu cầu trên cơ sở khoa học là cần thiết. Tuy nhiên, dựa trên các nguồn chứng đã được thu thập có trong hồ sơ việc dân sự, biên bản xác nhận của dòng tộc Nguyễn Văn, lời khai nhận của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ông Phan Thanh Đ là con đẻ của ông Nguyễn Văn B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với sự thật khách quan, không bị lừa dối, ép buộc và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được thừa nhận và không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của ông Phan Thanh Đ là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm phải chịu nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh Đ về việc "Yêu cầu xác định cha cho con"

Công nhận ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1934 (chết năm 1972); nơi cư trú cuối cùng trước khi chết: xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình là cha đẻ của ông Phan Thanh Đ, sinh ngày 22/10/1969; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Phan Thanh Đ phải chịu nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000475, ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- TAND Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch.
- Người yêu cầu ; NCQLNVLQ ;
- UBND thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch.
- Lưu: HSVDS, Lưu TA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Trần Trung Thành